|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LÂM ĐỒNG**  Số: /GPMT-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Lâm Đồng, ngày tháng 11 năm 2023* |   **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**  *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*  *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*  *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*  *Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*  *Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà số 21/CV-YTLH ngày 21/8/2023* *và hồ sơ kèm theo;*  *Xét Tờ trình số 491/TTr-TNMT ngày 07/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.*  **QUYẾT ĐỊNH:**  **Điều 1:** Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà *(địa chỉ: thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng)* được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trườngcủa Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà với các nội dung như sau:  **1. Thông tin chung của cơ sở:**  1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà.  1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.  1.3. Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ tương đương: Quyết định số 790/QĐ/UB-TC, ngày 14/12/1987 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.  1.4. Mã số thuế: 5800179309.  1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khám chữa bệnh.  1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:  a) Diện tích đất thực hiện: 19.249 m2.  b) Quy mô: 90 giường bệnh.  **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**  2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.  2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.  2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.  2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.  **Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà:  1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.  2. Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà có trách nhiệm:  2.1 Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.  2.2 Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.  2.3 Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.  2.4 Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.  2.5 Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.  **Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày giấy phép này ban hành).  **Điều 4.** Kể từ ngày Giấy phép môi trường này ban hành các văn bản sau đây hết hiệu lực:  - Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 11 tháng 04 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án nâng cấp Trung tâm y tế huyện Lâm Hà;  - Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 75/GP-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng cấp;  - Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 68.000076.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 21/10/2016.  **Điều 5.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lâm Hà tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.   |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Sở Tài nguyên và Môi trường;  - UBND huyện Lâm Hà;  - Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà;  - LĐVP;  - Lưu: VT, MT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Ngọc Phúc** | |

**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 11*

*năm 2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, bệnh nhân.

- Nguồn số 02: nước thải từ căn tin và giặt giũ.

- Nguồn số 03: nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh thủy lợi phía trước Trung tâm y tế huyện Lâm Hà thuộc tổ dân phố Yên Bình, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Ống thoát nước sau hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm y tế huyện Lâm Hà tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 18, tổ dân phố Yên Bình, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Tọa độ vị trí xả thải: X (m): 1.303.363; Y(m): 555.147 theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°45’, múi chiếu 3°.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 65 m3/ngày.đêm tương đương khoảng 2,708 m3/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý chảy theo đường ống PVC 300 mm dài khoảng 5,5m vào mương thủy lợi phía trước Trung tâm y tế huyện Lâm Hà và phương thức xả nước thải là tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số K**=** 1,2 (bệnh viện có quy mô dưới 300 giường bệnh) như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các thông số ô nhiễm** | **Đơn vị tính** | **Giá trị giới hạn QCVN 28:2010/BTNMT,**  **cột B, K = 1,2** | **Tần suất quan trắc định kỳ** |
| 1 | pH | **-** | 6,5 – 8,5 | Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ (Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022) |
| 2 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 120 |
| 3 | COD | mg/l | 120 |
| 4 | BOD5 (200C) | mg/l | 60 |
| 5 | Nitrat (tính theo N) | mg/l | 60 |
| 6 | Phosphat (tính theo P) | mg/l | 12 |
| 7 | Sunfua (tính theo H2S) | mg/l | 4,8 |
| 8 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 12 |
| 9 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 24 |
| 10 | Coliform | MPN/100ml | 5.000 |
| 11 | Salmonella | Vi khuẩn/100ml | KPH |
| 12 | Shigella | Vi khuẩn/100ml | KPH |
| 13 | Vibrio Cholerae | Vi khuẩn/100ml | KPH |

\* Ghi chú: Khuyến khích Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải của cơ sở theo khoản 6 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt có chứa chất bài tiết sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ cùng nước thải sinh hoạt từ các hoạt động vệ sinh cá nhân, lau dọn, dẫn vào hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung của Cơ sở bằng các đường ống PVC Ø 90 mm chiều dài 60,5m, ống PVC Ø 114 mm chiều dài 417m, ống PVC Ø 150 mm chiều dài 94,5m.

- Số lượng bể tự hoại: 15 bể (Khoa khám và tích cực chống độc: 01 bể; Khoa ngoại, Khoa dược, Khoa sản: 06 bể; Khoa nội nhi: 02 bể, Khu hành chính mới: 01 bể; Nhà xác: 01 bể, Khu hấp sấy tập trung: 01 bể, Khoa y học cổ truyền: 01 bể; Đội y tế dự phòng: 01 bể; Hội trường: 01 bể). Mỗi bể có kích thước: (3 x 2 x 1,6) m.

- Nước từ nhà ăn sẽ được thu gom trực tiếp về HTXLNT tập trung bằng đường ống nhựa PVC D150 dài 6m.

- Nước từ khu vực giặt giũ được thu gom trực tiếp về HTXLNT tập trung bằng các tuyến ống nhựa PVC D114 và D150 với tổng chiều dài 174 m.

- Số lượng hố ga thu gom nước thải: 22 hố ga với kích thước mỗi hố ga là (900x900x1100)mm.

1.1.2. Nước thải y tế

Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh được thu gom bằng đường ống PVC Ø 90, PVC Ø114, PVC Ø150 tổng chiều dài 288m dẫn trực tiếp vào HTXLNT tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể lắng rác/lắng cặn → Bể điều hòa → Bể Anoxic (Thiếu khí) → Bể lọc sinh học (Hiếu khí) → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 65 m3/ngày.đêm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): NaOH, Ca(ClO)2 , rỉ mật mía.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải định kỳ hàng năm.

- Liên hệ với đơn vị có chuyên môn để tiến hành sửa chữa kịp thời.

- Giám sát hệ thống xử lý nước thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

- Khi HTXLNT tập trung gặp sự cố phải đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải tại bể điều hòa của HTXLNT tập trung, nhanh chóng tiến hành kiểm tra và khắc phục sự cố và phải xử lý nước thải đã lưu chứa đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng (theo quy định tại điểm b, khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022) kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu ra của HTXLNT tập trung có tọa độ X (m): 1.303.363; Y(m): 555.147 theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°45’, múi chiếu 3°.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

3.2. Thực hiện các biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, thiết bị châm hóa chất,… nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng và thay thế, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất và nước mặt.

3.4. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 11*

*năm 2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải từ lò đốt rác thải y tếtại Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**:

2.1. Vị trí xả khí thải: Khí thải lò đốt sẽ qua ống khói để phát tán ra ngoài, ống khói có đường kính 300 mm và chiều cao 8 m, có tọa độ: X (m): 1.303.437; Y(m): 555.318 theo hệ toạ độ VN-2000 kinh tuyến trục 107045’, múi chiếu 30.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.287 m3 khí thải/giờ; 3.861 m3 khí thải/ngày.

2.2.1*.* Phương thức xả khí thải: gián đoạn (3 giờ)

2.2.2. Chất lượng khí thải sau khi xử lýtrước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (QCVN 02:2012/BTNMT, Cột B – Áp dụng đối với lò đốt chất thải rắn y tế được lắp đặt trong khuôn viên của cơ sở y tế) như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các thông số ô nhiễm** | **Đơn vị** | **QCVN 02:2012/BTNMT, cột B** | **Tần suất quan trắc định kỳ** |
| 1 | Bụi tổng | mg/Nm3 | 115 | Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ (Theo quy định tại khoản 2 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022) |
| 2 | Axit Clohydric (HCL) | mg/Nm3 | 50 |
| 3 | Cacbon monoxyt, CO | mg/Nm3 | 200 |
| 4 | Lưu huỳnh dioxyt, SO2 | mg/Nm3 | 300 |
| 5 | Nitơ oxyt, NOX ( tính theo NO2) | mg/Nm3 | 300 |
| 6 | Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg | mg/Nm3 | 0,5 |
| 7 | Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd | mg/Nm3 | 0,16 |
| 8 | Chì và hợp chất tính theo chì, Pb | mg/Nm3 | 1,2 |

**Ghi chú:** Khuyến khích Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà thực hiện quan trắc định kỳ khí thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải của cơ sở theo khoản 6 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

Khí thải phát sinh trong quá trình đốt tại buồng đốt sơ cấp được tiếp tục xử lý tại buồng đốt thứ cấp, sau đó được làm mát và thải ra ngoài môi trường theo ống khói có đường kính ống 300mm, chiều cao 8m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Sơ đồ công nghệ của lò đốt: Rác thải 🡪 Buồng đốt sơ cấp 🡪 Buồng đốt thứ cấp 🡪 Làm mát 🡪 Ống khói 🡪 Môi trường.

- Công suất: 20 kg/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Không sử dụng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện kiểm định lò đốt rác và các thiết bị của lò đốt rác theo đúng quy định hiện hành;

- Công nhân vận hành lò đốt rác được đào tạo chuyên môn vận hành lò đốt rác, phải nắm vững cấu tạo, nguyên lý hoạt động của lò đốt rác. Vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật hướng dẫn đặt tại nơi làm việc. Trong quá trình vận hành thường xuyên theo dõi giám sát, kiểm tra các thông số lò đốt rác;

- Khi lò đốt gặp sự cố phải tạm thời lưu trữ tại kho, nhanh chóng tiến hành kiểm tra và khắc phục sự cố, phải xử lý lượng chất thải đã lưu chứa đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng (theo quy định tại điểm b, khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022) kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt rác thải y tế.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Khí thải lò đốt tại ống khói có tọa độ: X (m): 1.303.437; Y(m): 555.318 theo hệ toạ độ VN-2000 kinh tuyến trục 107045’, múi chiếu 30.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm lò đốt rác y tế theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo chất thải phải được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy, định kỳ chuyển giao cho đơn vị xử lý hoặc tự xử lý tránh để phân hủy gây mùi nhằm giữ gìn vệ sinh chung và hạn chế ảnh hưởng mỹ quan khu vực Cơ sở.

- Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**

**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 11*

*năm 2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) dự kiến phát sinh hàng năm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chất thải** | **Mã CTNH** | **Trạng thái (thể) tồn tại thông thường** | **Khối lượng (kg/năm)** |
| **I** | **Chất thải nguy hại không lây nhiễm** | | | **800** |
| 1 | Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | Rắn | 90 |
| 2 | Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước | 19 01 01 | Lỏng | 410 |
| 3 | Tro xỉ | 12 01 05 | Rắn | 300 |
| **II** | **Chất thải lây nhiễm** | | | **13.500** |
| 1 | Chất thải lây nhiễm sắt nhọn | 13 01 01 | Rắn | 1.000 |
| 2 | Chất thải lây nhiễm không sắt nhọn | Rắn | 11.000 |
| 3 | Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao | Rắn | 1.500 |
| **Tổng** | | | | **14.300** |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

a) Khối lượng chất thải rắn thông thường gồm: giấy các loại, chai nhựa, can nhựa,…: 144 kg/năm.

b) Khối lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH: 300 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 30,6 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa:

- CTNH lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: (bao gồm kim tiêm, dao mổ,...) được thu gom trong 15 thùng chứa màu vàng dung tích 05 lít có thành và đáy cứng không bị xuyên thủng, có khả năng chống thấm, kích thước phù hợp, có nắp đậy.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (găng tay, dụng cụ đè lưỡi đã qua sử dụng,..): được chứa trong 04 thùng chứa có dung tích 18 lít, có lót túi màu vàng làm bằng nhựa PP.

+ Chất thải nguy cơ lây nhiễm cao, mẫu bệnh phẩm được thu gom vào túi đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải buộc kín miệng túi và tiếp tục bỏ vào túi đựng chất thải lây nhiễm thứ 2, buộc kín miệng túi và chứa trong 05 thùng thu gom chất thải lây nhiễm dung tích 5 lít, bên ngoài thùng có dán nhãn được đăt ở các khoa khám chữa bệnh và phòng mở, sau đó được thu gom đưa đến 01 thùng 5 lít tại khu lưu giữ chất thải lây nhiễm và được đốt bằng lò đốt tại trung tâm.

- CTNH không lây nhiễm: Bóng đèn chứa trong xô nhựa 120 lít, nước rửa phim chứa trong can nhựa 30 lít, tro xỉ đóng bao.

b) Kho lưu chứa trong nhà:

- CTNH lây nhiễm: kho chứa có diện tích 15 m2; xung quanh và nền lát gạch men, phía trên bằng tôn có cửa đóng kín, có biển cảnh báo theo quy định, kho nằm tại khu vực phía sau trung tâm gần với lò đốt.

- CTNH không lây nhiễm: kho chứa có diện tích 15 m2; xung quanh và nền lát gạch men, phía trên bằng tôn có cửa đóng kín, có biển cảnh báo theo quy định, kho này đặt gần khu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế (giấy các loại, chai nhựa, can nhựa,…): được thu gom chứa vào túi màu trắng đựng vào thùng 120L tại kho chứa chất thải 10m2 nằm trong khu nhà giặt sấy.

- Chất thải rắn thông thường không tái chế: bố trí 143 thùng chứa dung tích 20 lít/thùng có nắp đậy, bên trong thùng chứa có lót các túi màu xanh được làm bằng vật liệu nhựa PE, trên thùng có dán nhãn để nhận biết. Xung quanh cơ sở có bố trí 08 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng. Sau đó thu gom về kho lưu trữ 15m2 (3x5)m, vách được xây bằng gạch, lợp mái bằng tôn, nền lát gạch, được đặt gần khu vực cổng.

b) Kho lưu chứa trong nhà:

- Chất thải rắn thông thường (tái chế và không tái chế):

+ Diện tích các kho: Tái chế: 10m2; Không tái chế: 15m2.

+ Thiết kế cấu tạo của các kho: Tái chế: sàn lót gạch tường xây gạch và mái ngói nằm trong khu nhà giặt sấy; Không tái chế: vách được xây bằng gạch, lợp mái bằng tôn, nền lát gạch, được đặt gần khu vực cổng.

- Bùn thải: được lưu tại sân phơi bùn bằng bê tông cốt thép sức chứa 5,12 m3 (1m x 1,6 m x 3,2m).

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố phải đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải trong thời gian khắc phục sự cố, khẩn trương khắc phục sự cố và phải xử lý nước thải đã lưu chứa đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày; tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải.

2. Tuân thủ thực hiện việc phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải y tế theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thực hiện phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ đã được cơ quan chức năng chấp thuận theo quy định.

**Phụ lục 4**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 11*

*năm 2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

- Thu gom, xử lý nước mưa theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành dự án.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy chuẩn, quy định mới./.